

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **72/2021/HNGĐ-ST**
Ngày: 30/12/2021
V/v “ tranh chấp ly hôn, nuôi con ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thái Minh Trí

Bà Trần Thanh Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Đặng Vân Hoàng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 86/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1560/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 179/2021/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Đỗ Thành N, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Khu phố M, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Chị Trần Thị D, sinh năm 1985.

Nơi cư trú cuối cùng: Khu phố M, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

(Chị D, anh N vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, các bản khai tại hồ sơ vụ án nguyên đơn anh Đỗ Thành N trình bày:

Anh chung sống với chị Trần Thị D vào năm 2011, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Hiệp Phước, huyện N, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 155 ngày 01/12/2011.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, cuộc sống chung không hòa hợp.

Hiện nay chị D đã bỏ nhà đi, còn việc chị đang ở đâu làm gì thì anh cũng như chính quyền địa phương không biết. Anh đã yêu cầu Tòa án tuyên bố chị D mất tích (ngày 23/12/2020 Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai đã ban hành Quyết định số 03/2020/QĐST - DS về việc “Tuyên bố một người mất tích” đối với chị Trần Thị D).

Nay anh cương quyết xin ly hôn với chị D vì vợ chồng hết tình cảm, mâu thuẫn đã trầm trọng và kéo dài.

- Con chung: có 01 cháu tên là Đỗ Hồng X - sinh ngày 23/11/2011. Nếu ly hôn, anh xin nuôi con chung, không yêu cầu chị D cấp dưỡng do từ khi chị D bỏ đi anh vẫn là người trực tiếp nuôi con.

- Tài sản chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

- Nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn chị Trần Thị D đã được niêm yết hợp lệ các thông báo, quyết định nhưng chị Diễm không đến Tòa cung cấp chứng cứ nên không có bản khai.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, thu thập chứng cứ, hòa giải, xác định tư cách tố tụng của đương sự, việc tuân theo pháp luật của đương sự và của hội đồng xét xử đúng quy định pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Anh N và chị D chung sống trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo anh N khai là do bất đồng quan điểm, cuộc sống chung không hòa hợp. Ngày 23/12/2020 chị D đã được Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai tuyên bố là mất tích. Nay anh N xin ly hôn với chị D, xin nuôi con chung là cháu Đỗ Hồng X - sinh ngày 23/11/2011 không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con. Đề nghị hội đồng xét xử căn cứ Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2010); các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nhân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn chị Trần Thị D đã được Tòa án nhân dân huyện N tuyên bố mất tích theo Quyết định số 03/2020/QĐST-DS ngày 23/12/2020. Trong quá trình thụ lý, giải quyết Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản theo quy định, anh Đỗ Thành N có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vắng mặt anh N , chị D .

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ tranh chấp và tư cách đương sự: Anh Đỗ Thành N xin ly hôn với chị Trần Thị D. Nơi cư trú cuối cùng của chị Diễm là khu phố M, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện N có thẩm quyền giải quyết vụ án. Quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”. Căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định nguyên đơn là anh Đỗ Thành N và bị đơn là chị Trần Thị D.

[3]. Về quan hệ hôn nhân:

Anh Đỗ Thành N chung sống với chị Trần Thị D vào năm 2011 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hiệp Phước (nay là thị trấn Hiệp Phước), huyện N, tỉnh Đồng Nai (giấy chứng nhận kết hôn số 155, quyển số 01 ngày 01/12/2021) nên căn cứ Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2010) thì hôn nhân trên được xem là hợp pháp. Tại hồ sơ vụ án anh N cương quyết xin ly hôn với chị D vì vợ chồng hết tình cảm, thời gian ly thân đã lâu, hiện chị D đã bỏ đi nên không còn khả năng hòa giải đoàn tụ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh N thì thấy: nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn theo anh N khai là do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống chung không hòa hợp. Từ năm 2015 anh N và chị D đã sống ly thân cho đến nay không hòa giải đoàn tụ. Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa anh N , chị D đã trầm trọng và không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt. Mặt khác chị Trần Thị D đã được Tòa án tuyên bố mất tích, trong thời gian thụ lý, giải quyết Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương nơi cư trú cuối cùng của chị D , nhưng địa phương cũng không biết tin tức gì của chị D . Vì vậy cần căn cứ vào khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014 để giải quyết cho anh N được ly hôn với chị D là phù hợp.

[4]. Về con chung: Theo lời khai anh N thì anh và chị D có 01 con chung là cháu Đỗ Hồng X - sinh ngày 23/11/2011. Anh N xin nuôi con chung, không yêu cầu chị Diễm cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, từ khi anh N và chị D sống ly thân cho đến nay thì anh N là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung nên cần giao cháu X cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

[5]. Tài sản chung: Anh N khai không có nên không xem xét.

[6]. Nợ chung: Anh N khai không có nên không xem xét.

[7]. Về án phí: Anh N phải chịu toàn bộ án phí HNGĐ theo quy định.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 220, 227, 228, 264, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2010); các điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Đỗ Thành N về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” đối với bị đơn chị Trần Thị D.

1. Xử: Cho anh Đỗ Thành N được ly hôn với chị Trần Thị D.

2. Về con chung: Xử giao cháu Đỗ Hồng X - sinh ngày 23/11/2011 cho anh Đỗ Thành N nuôi dưỡng. Tạm thời, chị Trần Thị D không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi vị trí nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Anh Đỗ Thành N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001379 ngày 01/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Đồng Nai. Anh N đã nộp đủ án phí.

Anh Đỗ Thành N và chị Trần Thị D được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được thông đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Tòa án tỉnh; Thi hành án;
- UBND xã
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

LÊ THỊ OANH

